TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày 14-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý

Ông Ngô Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay, ông Nguyễn Văn Tại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm: Tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và điểm cầu thành phần: Tại trụ sở Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm trực tuyến và công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Ông Bùi Thanh H (tên gọi khác: H1), sinh ngày 06/10/1997 tại T, Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc T1 và bà Trần Thị H2; vợ Huỳnh Thị T2, con có 02 người, đều sinh ngày 11/4/2022; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/11/2022 đến nay (bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần).

2. Ông Nguyễn Chí V, sinh ngày 28/4/1997 tại T, Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi L và bà Lê Thị Thanh T3; vợ Trần Thị N đã ly hôn, con có 01 người sinh năm 2017; tiền án: không, tiền sự: có 01 tiền sự chưa được xóa tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000175/QĐ-XPHC ngày 22/9/2021 Công an huyện T xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, chấp hành nộp phạt vào ngày 25/02/2022; nhân thân: không có

án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/11/2022 đến nay (bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần).

3. Ông Bùi Ngọc T1, sinh ngày 01/01/1975 tại T, Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Đ và bà Di Thị S; vợ Trần Thị H2, con có 02 người, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2023 đến nay (bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí V:* Luật sư Biện Công N1 – Văn Phòng Luật sư Bạch Sỹ C – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Nguyên đơn dân sự:* Bà Lưu Thị T4, sinh năm 1991 (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Nhất S1 (T5), sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1975 (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng..

2. Bà Quách Thị P, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Đỗ Văn N2, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Di Văn N3, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2022 khi đang lưu thông trên đường thuộc ấp T, xã T, huyện T thì ông Bùi Thanh H phát hiện bị hại ông Nguyễn Văn Đ1 đang điều khiển xe mô tô biển số 83X – 15688, nên ông H đuổi theo ông Đ1 để đòi số nợ mà ông Đ1 thiếu của cha con ông Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1. Khi đến đoạn đường gần quán C1 thuộc ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì H cúp đầu xe ông

Đ1 và kêu ông Đ1 vào quán cà phê để nói chuyện nợ nần. Khi vào quán ông H gọi cho Nguyễn Chí V, Ngô Nhất S1 đến quán, khi V và S1 đến thì H hỏi "có trả tiền không, không trả thì lấy xe", đồng thời H gọi cho cha ruột là ông Bùi Ngọc T1 thông báo cho ông T1 biết sự việc trên thì ông T1 kêu H chở Đ1 về nhà để nói chuyện. Lúc này H yêu cầu ông Đ1 đem xe đi cầm trả tiền cho cha con H, ông Đ1 không đồng ý, H tiếp tục yêu cầu đưa chìa khóa xe ông Đ1 không đồng ý. S1 đi lại mở cốp xe thì thấy trong cốp có ổ khóa dây, S1 cầm lên thì Đ1 đi tới không cho lấy, do S1 và Đ1 có mâu thuẫn nhau từ trước nên S1 dùng tay đánh vào mặt Đ1 rồi cầm dây ổ khóa bỏ đi. Lúc này H tiếp tục yêu cầu Đ1 đưa chìa khóa xe nhưng Đ1 không đồng ý nên H kêu V dẫn xe Đ1 về nhà của H, V nghe lời nên dẫn chiếc xe ra Quốc lộ F, biết không thể kháng cự nên Đ1 bỏ đi về hướng thị trấn P, H đuổi theo và kêu Đ1 đưa chìa khóa cho V chở Đ1 về nhà H để nói chuyện với ông T1 về việc nợ nần. Khi về nhà ông T1 ở ấp T, xã T, huyện T thì ông T1 nói với Đ1 "kêu cha mẹ ra ký giấy nhận nợ đi rồi cho lấy xe đem về, nếu không thì giữ xe", Đ1 trả lời không có ai ra nhận thì lúc này ông T1 nói "không ai ra nhận thì để xe lại và đưa chìa khóa xe", Đ1 không đồng ý nhưng không dám kháng cự và lấy xe, lúc này V đi đến lấy chìa khóa xe trong túi áo Đ1 đưa cho H, H điện thoại cho Ngô Nhất S1 lại nhà H để trả sợi dây khóa xe, khoảng 15 phút sau S1 đến khi gặp Đ1 thì S1 và Đ1 đánh nhau, khi được mọi người can ngăn thì S1 trả lại ổ khóa cho Đ1 rồi bỏ về. Đ1 sau đó đi xe ôm về nhà, còn ông T1 thì dẫn chiếc xe vào nhà cất giữ. Ngày 29/9/2022 Đ1 trình báo Công an thị trấn P.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS, ngày 18/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng UBND huyện T, chiếc xe Honda hiệu Vision biển số 83X – 15688 thuộc sở hữu của bà Lưu Thị T4 có giá trị 31.990.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSTT ngày 22/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T đã truy tố các bị cáo Bùi Thanh H, Nguyễn Chí V và Bùi Ngọc T1 về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất toàn bộ nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đề ngày 29/9/2022 bị hại ông Nguyễn Văn Đ1 yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo, về trách nhiệm dân sự yêu cầu bồi thường 13 ngày công lao động (ngày 28/9/2022 đến ngày 11/10/2022) x 400.000 đồng/ngày = 5.200.000 đồng. Ngày 04/10/2022 và ngày 10/7/2023 bị hại làm đơn xin bãi nại cho bị cáo, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được hưởng án treo, về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chủ xe 5.200.000 đồng nên ông không yêu cầu gì thêm.

Nguyên đơn dân sự bà Lưu Thị T4 trình bày: Chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh đen, biển số kiểm soát 83X1-516.88 do bà đứng tên chủ sở hữu, bà mua bằng hình thức trả góp cho ngân hàng, do chỗ bạn bè nên ngày

28/9/2022 bà có cho ông Đ1 mượn xe đi UBND xã T làm căn cước công dân, đến chiều 17 giờ cùng ngày khi thấy ông Đ1 trở về không có xe, bà hỏi thì ông Đ1 trả lời đã bị ông H chặn đường lấy xe nên ngày hôm sau bà cùng ông Đ1 trình báo sự việc đến Công an thị trấn P, huyện T. Tại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 18/11/2022 bà T4 yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà tiền góp Ngân hàng 02 kỳ x 4.550.000 đồng = 9.100.000 đồng và tiền thuê xe khác đi lại trong thời gian bị cơ quan Công an giữ xe 100.000 đồng/ngày x 50 ngày = 5.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản số tiền 14.100.000 đồng. Tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, đối với cả 03 bị cáo, tuyên bố các bị cáo Bùi Thanh H, Nguyễn Chí V và Bùi Ngọc T1 phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Về hình phạt, đề nghị áp dụng Điều 17, 58, 65 đối với bị cáo H, T1, xử phạt bị cáo H mức án từ 01 năm 03 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, đề nghị xử phạt bị cáo T1 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với hai bị cáo và giao UBND xã T quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Đề nghị áp dụng Điều 17, 38, 54, 58 đối với bị cáo V, xử phạt bị cáo V mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lưu Thị T4 thiệt hại về tài sản số tiền 5.000.000 đồng, tiếp tục quản lý số tiền 5.200.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T để đảm bảo thi hành án. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Lưu Thị T4 01 sợi dây ổ khóa dạng tròn, dài khoảng 80cm, một đầu bằng kim loại có gắn chìa khóa màu trắng, phía bên ngoài sợi dây nhựa, bên trong bằng kim loại, trả lại cho bị cáo Bùi Thanh H 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, Model TA-1174 đã qua sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí V, Luật sư Biện Công N1 lập luận: Hành vi của bị cáo V là ít nghiêm trọng, đóng vai trò thứ yếu, nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để bảo đảm khoan hồng và công bằng với các bị cáo khác.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đồng ý bồi thường cho bà Lưu Thị T4 số tiền bà T4 thuê xe trong thời gian xe bị giữ 5.000.000 đồng và đã nộp 5.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T. Tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại ông Nguyễn Văn Đ1 do có đơn xin vắng mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt gồm: ông Ngô Nhất S1 (T5), bà Quách Thị P, ông Đỗ Văn N2 và ông Di Văn N3. Xét thấy, việc vắng mặt những người nêu trên không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Chỉ vì muốn đòi món nợ mà bị hại Nguyễn Văn Đ1 đã thiếu của cha con bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1, nên vào ngày 28/9/2022 các bị cáo H, V và T1 đã uy hiếp tinh thần bị hại để chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Vision, biển số kiểm soát 83X1-156.88 trị giá 31.990.000 đồng, thuộc sở hữu của bà Lưu Thị T4 cho ông Đ1 mượn, nhằm mục đích cấn trừ nợ. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số 07/CT-VKSTT ngày 22/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố các bị cáo Bùi Thanh H, Nguyễn Chí V và Bùi Ngọc T1 về tội danh theo điều luật đã viện dẫn ở trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là chủ thể có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Về vai trò của từng bị cáo trong thực hiện hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò và công việc của mỗi người khi thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê đồng thời là người thực hành, nên phải chịu trách nhiệm cao nhất, bị cáo T1 và bị cáo V với vai trò giúp sức, thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi và vai trò đồng phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong lúc lượng hình Hội đồng xét xử có cân nhắc về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự. Bị cáo H và T1 chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Bị cáo V mặc dù chưa có tiền án, nhưng có 01 tiền sự tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000175/QĐ-XPHC ngày 22/9/2021 Công an huyện T xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác,

chấp hành nộp phạt vào ngày 25/02/2022, tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 28/9/2022, thời gian bị cáo V chấp hành chưa hết 01 năm nên không được coi là chưa bị xử phạt hành chính.

Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục thiệt hại nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T tổng số tiền 5.200.000 đồng. Các bị cáo đều được bị hại làm đơn xin bãi nại, cả 03 bị cáo đều có thân nhân là Liệt sĩ. Do vậy, cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do các bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1 có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này có chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, được bị hại xin cho các bị cáo hưởng án treo. Xét thấy không bắt bị cáo H, T1 chấp hành hình phạt tù, thì bị cáo H, T1 cũng có khả năng tự cải tạo, nên không cần cách ly bị cáo H, T1 khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo và tính khoan hồng của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H, T1 được hưởng án treo. Riêng bị cáo Nguyễn Chí V, tại phiên tòa bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo V được hưởng án treo. Xét thấy, theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP thì bị cáo V do đã bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này chưa quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên bị cáo V không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Tuy nhiên, do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đ1 không tiếp tục yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nguyên đơn dân sự bà Lưu Thị T4 yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, các bị cáo đều thống nhất bồi thường. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn dân sự và các bị cáo, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lưu Thị T4 số tiền 5.000.000 đồng (trong đó bị cáo H, T4 mỗi bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo V bồi thường 1.000.000 đồng), tạm giữ số tiền 5.200.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị theo biên lai thu số 0003008, 0003009 và 0003010 cùng ngày

17/5/2023 để đảm bảo thi hành án. Số tiền 200.000 đồng còn lại của bị cáo V được dùng để thu nộp án phí theo quy định.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là 01 sợi dây ổ khóa dạng tròn, dài khoảng 80cm, một đầu bằng kim loại có gắn chìa khóa màu trắng, phía bên ngoài sợi dây nhựa, bên trong bằng kim loại, thuộc sở hữu của bà Lưu Thị T4 nên tuyên bố trả lại cho bà T4. 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, Model TA-1174 đã qua sử dụng thuộc sở hữu của bị cáo Bùi Thanh H tuyên bố trả lại cho bị cáo H.

[10] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đều đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lập luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo V và yêu cầu của bị cáo V được hưởng án treo như đã phân tích nêu trên do bị cáo V không đủ diều kiện để được hưởng án treo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo Bùi Thanh H, Nguyễn Chí V và Bùi Ngọc T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm b, điểm h, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1 và Nguyễn Chí V; căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1; căn cứ Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Chí V; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1 và Nguyễn Chí V phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án ngày 14/7/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T1 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án ngày 14/7/2023.

Giao bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí V 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1 và Nguyễn Chí V có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lưu Thị T4 số tiền 5.000.000 đồng (trong đó bị cáo H, T1 mỗi bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo V bồi thường 1.000.000 đồng), tạm giữ số tiền 5.200.000 đồng các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị theo biên lai thu số 0003008, 0003009 và 0003010 cùng ngày 17/5/2023 để đảm bảo thi hành án. Số tiền 200.000 đồng còn lại của bị cáo V được dùng để thu nộp án phí theo quy định.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên bố trả lại cho bà Lưu Thị T4 01 sợi dây ổ khóa dạng tròn, dài khoảng 80cm, một đầu bằng kim loại có gắn chìa khóa màu trắng, phía bên ngoài sợi dây nhựa, bên trong bằng kim loại. Tuyên bố trả lại cho bị cáo Bùi Thanh H 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia, Model TA-1174 đã qua sử dụng. Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Thanh H, Bùi Ngọc T1 và Nguyễn Chí V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Công an huyện Thạnh T
(Cơ quan điều tra, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- Bị cáo; Luật sư; NĐDS; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nghiệp